

Số: 26 /NQ-HĐND

Châu Thành, ngày 01 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh vốn kế hoạch đầu tư công năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 3909/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/10/2020, Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26/3/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc điều chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND, ngày 15/12/2020 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2021, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND, ngày 26/3/2021; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND, ngày 29/4/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021.

Xét Tờ trình số 107/TTr-UBND, ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc điều chỉnh vốn kế hoạch đầu tư công năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh vốn kế hoạch đầu tư công năm 2021, với nội dung cụ thể như sau:

1. Vốn đầu tư công năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021

1.1. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia

1.1.1. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 5.487.215.690 đồng của 14 công trình đã hoàn thành công tác quyết toán dự án hoàn thành và 01 công trình vướng mặt

bằng không triển khai thi công trong năm 2020 (công trình sân bóng đá xã Song Lộc).

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 5.487.215.690 đồng, bố trí cho 12 công trình (trong này, có 06 công trình bổ sung để thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành, 06 công trình khởi công mới năm 2021).

1.1.2. Vốn Chương trình 135

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 110.114.872 đồng của 02 công trình đã hoàn thành công tác quyết toán dự án hoàn thành.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 110.114.872 đồng, bổ sung cho 06 công trình để thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành.

(Đính kèm Phụ lục 01)

1.2. Vốn ngân sách phân cấp huyện quản lý (bao gồm nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện và nguồn kết dư ngân sách huyện)

1.2.1. Nguồn vốn phân cấp theo Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 19/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 229.832.412 đồng của 04 công trình đã hết nhiệm vụ chi.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 229.832.412 đồng, bổ sung cho 03 công trình để thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành.

1.2.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 394.355.704 đồng của 02 công trình đã hết nhiệm vụ chi.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 394.355.704 đồng, bổ sung cho 03 công trình để thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành.

1.2.3. Nguồn vốn xổ số kiến thiết hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 291.706.821 đồng của 03 công trình đã hết nhiệm vụ chi.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 291.706.821 đồng, bổ sung cho 07 công trình để thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành.

1.2.4. Nguồn vốn xổ số kiến thiết hỗ trợ có mục tiêu cho huyện đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi, thoát nước, chỉnh trang đô thị bức xúc của địa phương

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 749.345.148 đồng của 04 công trình đã hết nhiệm vụ chi.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 749.345.148 đồng, bổ sung cho 07 công trình để thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành.

(Đính kèm Phụ lục 02)

2. Nguồn vốn đầu tư công năm 2021:

2.1. Vốn nguồn xổ số kiến thiết:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 4.833.000.000 đồng của 04 công trình (do giảm khối lượng).

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 4.833.000.000 đồng, bổ sung cho 08 công trình khởi công năm 2021 nhưng chưa đủ vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành theo tiến độ hợp đồng.

2.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 157.000.000 đồng trong nguồn vốn thanh toán các công trình được duyệt quyết toán.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 157.000.000 đồng, bổ sung cho 01 công trình khởi công năm 2021 nhưng chưa đủ vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành theo tiến độ hợp đồng.

(Đính kèm Phụ lục 03)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành khóa XII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở: Tài chính, KH&ĐT;
- TT. HU, TT. HĐND huyện;
- UBMTTQVN, UBND huyện;
- ĐB HĐND huyện;
- Phòng TC-KH;
- KBNN huyện;
- LĐVP, NCKT;
- TT.HĐND, UBND xã, thị trấn;
- Lưu: VT. KL

CHỦ TỊCH



Huỳnh Công Lập



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 01

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CỘNG NAM 2021
(Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2020 chuyển sang năm 2021)

(Kèm theo Nghị quyết số 6/NQ-HĐND ngày 01/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành)

ĐVT: Đồng

Số TT	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn thừa năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021					Ghi chú
			Tổng mức đầu tư	Vốn phân bổ	Được duyệt quyết toán, tất toán	Kế hoạch vốn giảm	Kế hoạch vốn tăng	
1		3	4	5	6	7	8	9
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		46,660,000,000	39,200,000,000	32,182,029,495	5,487,215,690	5,487,215,690	
1.1	BQL xây dựng nông thôn mới xã Song Lộc		7,840,000,000	7,300,000,000	3,496,229,600	3,803,770,400	0	
	Sân bóng đá xã Song Lộc	7829272	4,000,000,000	3,700,000,000	100,350,426	3,599,649,574	0	Thừa do công trình không triển khai thi công vướng mặt bằng
	Đường GTNT kênh V6 ấp Phú Khánh, xã Song Lộc	7825333	2,400,000,000	2,200,000,000	2,180,452,308	19,547,692		Giảm theo yêu cầu kiểm toán
	Đường GTNT ấp Nê Cỏ, xã Song Lộc (nhà 10 Thục)	7828229	1,440,000,000	1,400,000,000	1,215,426,866	184,573,134		Giảm trong đầu thầu
1.2	BQL xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa		7,260,000,000	6,460,000,000	6,329,733,936	263,064,785	132,798,721	
	Cầu, đường GTNT liên ấp Ô Chích A - B, xã Lương Hòa (The - Cầu Đập đôi)	7825331	980,000,000	900,000,000	885,719,924	14,280,076		Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Đường GTNT Bình La 4, xã Lương Hòa (kênh Kim Thuong)	7832833	2,700,000,000	2,460,000,000	2,211,215,291	248,784,709		Giảm trong quá trình đầu thầu
	Đường đal Ô Chích B 5, xã Lương Hòa (Liên - Tư Hên)	7825849	550,000,000	500,000,000	512,794,491		12,794,491	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Đường đal Ba Se A 5, xã Lương Hòa (cấp kênh Đập làng 2)	7825235	1,000,000,000	900,000,000	932,545,022		32,545,022	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Đường nhựa Bình La 2, xã Lương Hòa (Sơn Sang)	7825237	440,000,000	400,000,000	416,426,453		16,426,453	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Đường đal Ba Se A 7, xã Lương Hòa	7824520	550,000,000	400,000,000	411,997,649		11,997,649	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Đường đal Ba Se A 4, xã Lương Hòa (cấp kênh Đập làng 1)	7824521	1,040,000,000	900,000,000	959,035,106		59,035,106	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành



Số TT	Chủ đầu tư	Danh mục dự án	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn thừa năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021					Ghi chú
				Tổng mức đầu tư	Vốn phân bổ	Được duyệt quyết toán, tất toán	Kế hoạch vốn giảm	Kế hoạch vốn tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1.3	BQL xây dựng nông thôn mới xã Đa Lộc	Dường đại ấp Giồng Lức, xã Đa Lộc (cấp kênh Thống Nhất đến giáp Kim Hoa)	7816499	3,900,000,000	3,700,000,000	3,664,861,944	35,138,056	0	Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
1.4	BQL xây dựng nông thôn mới xã Hưng Mỹ	Dường GTNT từ giáp ranh thị trấn Châu Thành đến đường đại xuống Ô Trè, xã Đa Lộc	7819666	2,600,000,000	2,500,000,000	2,352,983,666	147,016,334	0	Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
		Dường đại Rạch Giữa, xã Hưng Mỹ	7749378	260,000,000	240,000,000	228,401,763	11,598,237		Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
		Xây mới cầu Việt bon ấp Cồn Cò, xã Hưng Mỹ	7749377	850,000,000	822,000,000	815,617,409	6,382,591		Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
		Hệ thống thoát nước Rạch Vồn, xã Hưng Mỹ	7826420	1,000,000,000	878,000,000	576,381,077	301,618,923		Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
1.5	BQL xây dựng nông thôn mới xã Phước Hải	Dường đại liên ấp Hòa Hải - Vang Nhứt, xã Phước Hải	7839422	1,650,000,000	1,600,000,000	1,419,473,199	180,526,801	0	Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
1.6	BQL xây dựng nông thôn mới xã Thanh Mỹ	Dường đại phía nam kênh Thống Nhất, xã Thanh Mỹ	7828135	2,000,000,000	1,900,000,000	1,695,675,619	204,324,381	0	Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
1.7	BQL xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Chánh	Dường nhựa ấp Phú Mỹ, xã Mỹ Chánh (từ nhà Út Nhỏ nhà 3 Lăm)	7827397	3,000,000,000	2,800,000,000	2,695,309,414	104,690,586		Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
		Dường đại ấp Dầu Giồng B, xã Mỹ Chánh (từ nhà Trần Văn Chuội đến công 4 Bung)	7829817	2,200,000,000	2,000,000,000	1,890,586,856	109,413,144		Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
1.8	BQL xây dựng nông thôn mới xã Hòa Lợi	Dường nhựa kênh triển II, xã Hòa Lợi	7828133	5,000,000,000	4,700,000,000	4,380,328,548	319,671,452	0	Giảm trong công tác đầu thầu

Kế hoạch điều chỉnh vốn thừa năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021									
Số TT	Chủ đầu tư	Danh mục dự án	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Vốn phân bổ	Được duyệt quyết toán, tất toán	Kế hoạch vốn giảm	Kế hoạch vốn tăng	Ghi chú
1		2	3	4	5	6	7	8	9
1.9	UBND xã Thanh Mỹ	Cầu GTNT áp Cây Dương, xã Thanh Mỹ (cầu Miếu)		600,000,000	0	0	0	550,000,000	Bỏ tri vốn thực hiện công trình khởi công mới
1.10	UBND xã Lương Hòa	Dường GTNT Bót Chếch 5, xã Lương Hòa		800,000,000	0	0	0	750,000,000	Bỏ tri vốn thực hiện công trình khởi công mới
1.11	UBND xã Hòa Minh	Dường GTNT áp Ông Yên, xã Hòa Minh (Bà Tôn dưới)		1,500,000,000	0	0	0	1,200,000,000	Bỏ tri vốn thực hiện công trình khởi công mới
1.12	UBND xã Long Hòa	Năng cấp, mở rộng đường đal Nhà thờ Rạch Giồng, xã Long Hòa		1,500,000,000	0	0	0	1,200,000,000	Bỏ tri vốn thực hiện công trình khởi công mới
1.13	UBND xã Lương Hòa A	Xây dựng khu vui chơi cho người già và trẻ em liên ấp Chà Dư, Tân Ngãi, Hòa Lạc A, xã Lương Hòa A		4,700,000,000	4,300,000,000	2,636,446,464	0	1,653,490,000	Bỏ tri vốn thực hiện công trình khởi công mới
		Năng cấp, mở rộng khu vui chơi cho người già và trẻ em ấp Hòa Lạc C, xã Lương Hòa A		1,000,000,000	900,000,000			788,000,000	Bỏ tri vốn thực hiện công trình khởi công mới
		Dường nhựa Tân Ngãi - Hòa Lạc A, B, C xã Lương Hòa A (đoạn nối tiếp)		2,700,000,000	2,500,000,000	2,636,446,464		76,490,000	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
1.14		Nộp trả ngân sách tỉnh						926,969	
II		Chương trình 135		9,399,138,678	8,000,000,000	7,954,920,684	110,114,872	110,114,872	
1.1	UBND Xã Song Lộc	Dường đal kênh Khánh Lộc 1, xã Song Lộc		1,200,000,000	1,125,000,000	1,127,936,990	0	2,936,990	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
1.2	UBND xã Lương Hòa	Dường GTNT áp Bót Chếch, xã Lương Hòa (Trụ sở BND áp đến Bót bao)		700,000,000	650,000,000	640,879,005	9,120,995	0	

Số TT	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn thừa năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021						Ghi chú
			Tổng mức đầu tư	Vốn phân bổ	Được duyệt quyết toán, tất toán	Kế hoạch vốn giảm	Kế hoạch vốn tăng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1.3	UBND xã Đa Lộc		1,650,000,000	1,500,000,000	1,505,648,903	0	5,648,903	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành	
1.4	UBND xã Thanh Mỹ		650,000,000	600,000,000	499,006,123	100,993,877	0	Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành	
1.5	UBND xã Lương Hòa A		5,199,138,678	4,125,000,000	4,181,449,663	0	56,449,663	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành	
	Dường nhựa kênh Bắc phen xã Lương Hòa A	7361299	1,331,307,212	900,000,000	918,123,929		18,123,929	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành	
	Dường nhựa Tầm phương 2 ấp Hòa Lạc A xã Lương Hòa	7241720	1,702,008,173	1,500,000,000	1,522,596,502		22,596,502	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành	
	Dường nhựa Hòa Lạc A,B,C xã Lương Hòa A	7404207	818,130,751	725,000,000	728,108,000		3,108,000	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành	
	Cầu kênh xáng xã Lương Hòa A huyện Châu Thành	7361884	1,347,692,542	1,000,000,000	1,012,621,232		12,621,232	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành	
1.6	Nộp trả ngân sách tỉnh						45,079,316		
TỔNG CỘNG			56,059,138,678	47,200,000,000	40,136,950,179	5,597,330,562	5,597,330,562		



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
(Vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021 và Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021)

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 01/7/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành)

EVT: Đồng

Số TT	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Danh mục điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công				Ghi chú
				KH vốn đã phân bổ	Được duyệt quyết toán, tái toán	Kế hoạch vốn giảm	Kế hoạch vốn tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Vốn hỗ trợ theo Nghị quyết 15/2015/HĐND ngày 19/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh		17,650,000,000	13,228,622,310	13,228,622,310	229,832,412	229,832,412	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Nghĩa trang nhân dân xã Song Lộc	7825693	3,300,000,000	128,622,310	110,326,917	18,295,393		Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Thay mới đèn đường tuyến đường 30/4 (từ Quốc lộ 54 đến giáp Bào Sơn), tuyến đường Mậu Thân và đường tránh Cầu Tầm Phương	7746765	1,350,000,000	1,200,000,000	1,113,525,070	86,474,930		Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Gia cố, san lấp mở rộng đường vào trung tâm xã Hòa Minh	7792375	1,500,000,000	1,400,000,000	1,339,956,180	60,043,820		Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Mở rộng trụ sở làm việc Khối Đoàn thể	7618335	1,400,000,000	1,350,000,000	1,284,981,731	65,018,269		Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Đường giao thông nông thôn kênh Ba Khen, ấp Trà Cuôn, xã Phước Hào	7821791	1,150,000,000	1,000,000,000	1,061,829,700	61,829,700		Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Đường giao thông nông thôn kênh Năm Nũ, ấp Trà Cuôn, Phước Hào	7821875	1,450,000,000	1,350,000,000	1,369,641,639	19,641,639		Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Xây dựng mới Cùm quản lý hành chính tập trung xã Long Hòa	7775708	7,500,000,000	6,800,000,000	6,948,361,073	148,361,073		Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất		11,910,000,000	7,100,000,000	6,797,360,075	394,355,704	394,355,704	

Số TT	Chủ đầu tư	Tên dự án	Mã số dự án đầu tư	Danh mục điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công					Ghi chú
				Tổng mức đầu tư	KH vốn đã phân bổ	Được duyệt quyết toán, tất toán	Kế hoạch vốn giảm	Kế hoạch vốn tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện			11,910,000,000	7,100,000,000	6,797,360,075	394,355,704	394,355,704	
	Cầu GTNT kênh Đa Hòa I Bích Trì ra bên cả xã Hòa Thuận	7821786	600,000,000	600,000,000	506,333,700	93,666,300			Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Đường vào sân bóng đá xã Thanh Mỹ	7843894	900,000,000	800,000,000	499,310,596	300,689,404			Giảm do giảm giá gói thầu
	Đường đal và hệ thống thoát nước Khóm 4 Thị trấn Châu Thành	7747447	910,000,000	800,000,000	818,726,811		18,726,811		Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Đường đal và hệ thống thoát nước Khóm 1 Thị trấn Châu Thành (Từ công Đa Lộc đến kênh đường Trâu)	7747447	1,500,000,000	1,300,000,000	1,311,466,000		11,466,000		Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Xây mới Hội trường Huyện uy	7771195	8,000,000,000	3,600,000,000	3,661,522,968		61,522,968		Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Hủy dự toán (rút NSH)						302,639,925		Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
III	Nguồn xổ số kiến thiết hỗ trợ xã NTM		12,890,000,000	11,400,000,000	11,397,408,828	291,706,821	291,706,821		
	Đường đal liên ấp Sóc Thát xã Nguyệt Hóa (tuyến 2: Từ Ông Huỳnh Tài đến nhà bà Huỳnh Thị Thủy Tiên)		1,650,000,000	1,500,000,000	1,371,569,157	128,430,843			Giảm theo yêu cầu kiểm toán
	Đường nội ấp Cỏ Tháp B (từ Bưu điện xã đến kênh số 1)		1,200,000,000	1,000,000,000	1,096,896,743		96,896,743		Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Đường GTNT liên ấp Sóc Thát - Trà đét xã Nguyệt Hóa (Nối tiếp từ nhà ông Quách Văn Diệp đầu nối vào đường phục vụ cây ăn trái)		1,650,000,000	1,500,000,000	1,568,917,530		68,917,530		Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
	Hệ thống thoát nước khu vực ấp Ba Se A, xã Lương Hòa		900,000,000	800,000,000	756,435,503	43,564,497			Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành

Số TT	Chủ đầu tư	Danh mục dự án	Mã số dự án đầu tư	Danh mục điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công					Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư	KH vốn đã phân bổ	Được duyệt quyết toán, tất toán	Kế hoạch vốn giảm	Kế hoạch vốn tăng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
		Dường đal vào Trung tâm HTCD áp Trì Phong, xã Hòa Lợi		240,000,000	200,000,000	215,373,169		15,373,169	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành	
		Dường GTNT áp Chàng Mât, xã Hòa Lợi (từ nhà ông Kim Sơn đến giáp xã Hòa Thuận)		400,000,000	350,000,000	368,228,263		18,228,263	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành	
		Dường đal áp Trì Phong, xã Hòa Lợi (nhà ông Linh)		450,000,000	400,000,000	414,415,962		14,415,962	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành	
		Dường GTNT áp Qui Nông A, xã Hòa Lợi (từ QL 53 đến đường triển phía tây)		400,000,000	350,000,000	360,920,708		10,920,708	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành	
		Dường đal Cồn Cò, xã Hưng Mỹ (giai đoạn 2)		3,000,000,000	2,650,000,000	2,577,697,347		72,302,653	Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành	
		Dường GTNT liên ấp Vang Nhứt - Hòa Hảo, xã Phước Hảo (Kênh Đầu Đái)		3,000,000,000	2,600,000,000	2,666,954,446		66,954,446	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành	
		Thanh toán các công trình được duyệt quyết toán (chưa phân bổ _ năm 2021)			50,000,000		47,408,828		Phân bổ kế hoạch vốn trả quyết toán	
IV		Vốn xỏ số kiến thiết vượt thu năm 2019 (hỗ trợ có mục tiêu cho huyện đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi, thoát nước, chỉnh trang đô thị bức xúc của địa phương)		20,160,000,000	16,097,546,556	16,164,822,530		749,345,148		
1		Xã Đa Lộc		3,050,000,000	2,247,546,556	2,616,718,733		65,543,967	434,716,144	
		Dường GTNT liên ấp Hương Phụ B - C, xã Đa Lộc	7823650	1,200,000,000	948,000,000	887,698,237		60,301,763		Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
		Dường GTNT áp Hương Phụ C, xã Đa Lộc (từ công nhà ông Mạnh đến giáp kênh xáng) (nối tiếp)	7823649	1,100,000,000	1,052,000,000	1,046,757,796		5,242,204		Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
		Dường GTNT áp Hương Phụ A, xã Đa Lộc (từ QL 54 đến giáp đường nhựa IMPP)		750,000,000	247,546,556	682,262,700		434,716,144		Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
2		Xã Hòa Lợi		2,800,000,000	2,500,000,000	2,084,175,185		415,824,815	0	

Số TT	Chủ đầu tư	Danh mục dự án	Mã số dự án đầu tư	Danh mục điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công					Ghi chú
				Tổng mức đầu tư	KH vốn đã phân bổ	Được duyệt quyết toán, tất toán	Kế hoạch vốn giảm	Kế hoạch vốn tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
		Nâng cấp, mở rộng đường vào bãi rác xã Hòa Lợi (từ Hương lộ 14 đến giáp xã Hòa Thuận)	7828130	2,800,000,000	2,500,000,000	2,084,175,185	415,824,815		Giảm trong công tác đầu thầu
3		Xã Hòa Minh		3,600,000,000	2,100,000,000	2,218,144,037	0	118,144,037	
		Đường đál Bà Tùng áp Bà Liêm, xã Hòa Minh	7828374	3,600,000,000	2,100,000,000	2,218,144,037		118,144,037	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
4		Xã Song Lộc		7,280,000,000	6,000,000,000	6,182,704,895	19,862,904	134,457,086	
		Xây dựng khu thể thao xã Song Lộc	7826779	1,000,000,000	900,000,000	954,412,152		52,699,141	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
		Đường GTNT áp Trà Nóc, xã Song Lộc (Nhà Tư Sa Mai - giáp Hiếu Tú)	7831979	2,000,000,000	1,750,000,000	1,817,048,945		67,048,945	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
		Đường GTNT áp Trà Nóc, xã Song Lộc (Nhà Bảy Na - Ô Xúc - nhà 5 Sanh)	7831978	2,000,000,000	1,750,000,000	1,730,137,096	19,862,904		Giảm một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
		Đường GTNT áp Lò Ngò xã Song Lộc (nhà 10- Trà On)		2,280,000,000	1,600,000,000	1,681,106,702		14,709,000	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
5		Xã Lương Hòa A		930,000,000	800,000,000	830,179,830	0	29,128,031	
		Đường đal áp Dai Tèn xã Lương Hòa A		930,000,000	800,000,000	830,179,830		29,128,031	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
6		UBND thị trấn Châu Thành		2,500,000,000	2,200,000,000	2,232,899,850	0	32,899,850	
		Nâng cấp, mở rộng đường đal khóm 1, thị trấn Châu Thành (từ công Đa Lộc đến kênh đường trâu)	7747447	2,500,000,000	2,200,000,000	2,232,899,850		32,899,850	Tăng một số chi phí trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành
6		Thanh toán các công trình được duyệt quyết toán (NSH chưa phân bổ năm 2021)			250,000,000		248,113,462		Phân bổ kế hoạch vốn trả quyết toán
		TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)		62,610,000,000	47,826,168,866	47,588,213,743	1,665,240,085	1,665,240,085	



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 07/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành)

ĐVT: Đồng

Số TT	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn phân bổ	Kế hoạch vốn thừa (dè xuất giảm)	Kế hoạch vốn thiếu dè xuất tăng công trình khác	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Quyết định phê duyệt BCKTKT	
1	Nguồn vốn xã số kiến thiết		69,865,026,998	59,101,000,000	4,833,000,000	4,833,000,000	59,101,000,000		
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện		43,500,000,000	38,551,000,000	4,000,000,000	1,180,000,000	35,731,000,000		
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Châu Thành	7866496	32,000,000,000	29,000,000,000	4,000,000,000		25,000,000,000	1314/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	
	Đường đal áp Ba Tiêu, xã Đa Lộc (từ công Bà Thao đến giáp phường 9)	7871394	7,000,000,000	6,300,000,000		600,000,000	6,900,000,000	1273/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	
	Đường GTNT áp Cồn Phụng, xã Long Hòa	7871392	4,500,000,000	3,251,000,000		580,000,000	3,831,000,000	881/QĐ-UBND ngày 08/9/2020	
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện		20,425,026,998	17,500,000,000	833,000,000	1,143,000,000	17,810,000,000		
	Xây dựng khối các phòng chức năng Trường THCS thị trấn Châu Thành.		14,900,000,000	13,500,000,000	618,000,000		12,882,000,000		Đề xuất giảm KHV do giảm thầu
	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Trương Văn Trì, xã Phước Hào		1,050,000,000	1,000,000,000	190,000,000		810,000,000		Đề xuất giảm KHV do giảm thầu
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Hoà Minh C, THCS Hoà Minh B, xã Hoà Minh		1,050,000,000	1,000,000,000	25,000,000		975,000,000		Tăng do PS một số chi phí quyết toán hoàn thành
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Hoà Minh C, THCS Hoà Minh B, xã Hoà Minh		1,150,000,000	1,000,000,000		85,000,000	1,085,000,000		
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Mỹ Chánh B, xã Mỹ Chánh và Trường Tiểu học Hưng Mỹ A, Tiểu học Hưng Mỹ B, xã Hưng Mỹ	7779813	1,225,026,998	1,000,000,000		78,000,000	1,078,000,000		Tăng do PS một số chi phí quyết toán hoàn thành

Số TT	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn phân bổ	Kế hoạch vốn thừa (dễ xuất giảm)	Kế hoạch vốn thiếu để xuất tăng công trình khác	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Quyết định phê duyệt BCKTKT
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Nguyệt Hóa, xã Nguyệt Hóa		1,050,000,000			980,000,000	980,000,000	Bộ trí vốn thực hiện công trình khởi công mới
3	UBND các xã, thị trấn		5,940,000,000	3,050,000,000	0	2,510,000,000	5,560,000,000	
3,1	UBND xã Mỹ Chánh		1,200,000,000	1,000,000,000	0	50,000,000	1,050,000,000	1295/QĐ-UBND ngày 18/11/2020
	Đường GTNT ấp Dầu Giồng A, xã Mỹ Chánh (từ nhà Kim Hải đến công Công an - đoạn nối tiếp)	7872511	1,200,000,000	1,000,000,000		50,000,000	1,050,000,000	18/11/2020
3,2	UBND xã Thanh Mỹ		600,000,000	200,000,000	0	310,000,000	510,000,000	1300/QĐ-UBND ngày 18/11/2020
	Cầu GTNT ấp Nhà Dưa, xã Thanh Mỹ (ngã tư II)	7876672	600,000,000	200,000,000		310,000,000	510,000,000	18/11/2020
3,3	UBND xã Lương Hòa		700,000,000	200,000,000	0	480,000,000	680,000,000	
	Đường GTNT Bót Chếch 4, xã Lương Hòa (nối tiếp)	7869616	700,000,000	200,000,000		480,000,000	680,000,000	1303/QĐ-UBND ngày 18/11/2020
3,4	UBND xã Song Lộc		3,000,000,000	1,450,000,000	0	1,430,000,000	2,880,000,000	1318/QĐ-UBND ngày 19/11/2020
	Đường GTNT ấp Trà Nóc, xã Song Lộc (cầu 2 xi - Hiệu từ - dal 6 Met)	7872360	3,000,000,000	1,450,000,000		1,430,000,000	2,880,000,000	19/11/2020
3,5	UBND xã Phước Hào		440,000,000	200,000,000	0	240,000,000	440,000,000	
	Đường GTNT ấp ÔKàĐa, xã Phước Hào (giai đoạn 1)	7868461	440,000,000	200,000,000		240,000,000	440,000,000	1324/QĐ-UBND ngày 19/11/2020